TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **85**/2026/HNGĐ-ST Ngày: 10-7-2026 V/v: "*Ly hôn*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền

2. Bà Trần Thị Mộng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thạch Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 364/2026/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2025, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/06/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Kim H, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1983. Căn cước công dân số 077183003976, cấp tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 14/12/2022.

Nơi đăng ký thường trú: Số F, đường V, Tổ C, ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Phòng A28, Nhà T, ấp V, xã P, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1979. Căn cước công dân số 077079002012, cấp tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 25/02/2021.

Hộ khẩu thường trú: Số F, đường V, Tổ C, ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2026, tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Kim H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Ủy ban nhân dân xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 16/4/2004. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số F đường V, Tổ C, ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu đời sống hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2024 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 26/3/2005 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 09/01/2014. Cháu T1 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. đối với cháu T2, bà đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin không tiến hành hoà giải và giải quyết vắng mặt ngày 18/6/2026 bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông Nguyễn Tấn T đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải.

Về quan hệ hôn nhân: Ông T không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông T trình bày có 02 người con là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 26/3/2005 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 09/01/2014. Cháu T1 đã thành niên, còn cháu T2 đang sống cùng ông. Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông T không yêu cầu Toà án tiến hành hoà giải, ông T không giao nộp chứng cứ gì cho Toà án và cũng không có yêu cầu phản tố. Ông Nguyễn Tấn T đề nghị Toà án xét xử vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Đinh Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Tấn T. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T có nơi cư trú tại số F đường V, Tổ C, ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Kim H và bị đơn ông Nguyễn Tấn T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đinh Kim H và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 16/4/2004. Việc kết hôn được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ điều kiện, trình tự đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà H, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay.

Ông T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, ông không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở vợ chồng thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, giữa bà H và ông T đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài, hai bên sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và không cùng nhau xây dựng đời sống gia đình.

Mặc dù ông T không đồng ý ly hôn nhưng việc không đồng ý ly hôn chỉ thể hiện ý chí đơn phương của ông T, trong khi ông không chứng minh được quan hệ vợ chồng còn có khả năng đoàn tụ và cũng không đưa ra được giải pháp thực tế để khắc phục

tình trạng hôn nhân. Tình trạng vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Kim H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung:

Bà Đinh Kim H và ông Nguyễn Tấn T có hai người con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 26/3/2005 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 09/01/2014.

Đối với Nguyễn Minh T1, tính đến thời điểm xét xử đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Minh T2, hiện cháu đang sinh sống cùng ông Nguyễn Tấn T. Bà H đồng ý giao cháu T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cũng có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Toà án lấy ý kiến cháu T2 và cháu có nguyện vọng được sống chung cùng ông T. Việc giao cháu T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng bảo đảm sự ổn định về nơi ở, sinh hoạt và học tập của cháu, đồng thời phù hợp với sự thỏa thuận của cha mẹ và nguyện vọng của cháu.

Vì vậy, căn cứ quyền lợi về mọi mặt của người con chưa thành niên, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Minh T2 cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng và bà H cũng không tự nguyện cấp dưỡng. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng là ý chí của người trực tiếp nuôi con tại thời điểm xét xử, chưa có căn cứ xác định việc không cấp dưỡng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cháu T2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tạm thời không buộc bà H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Bà H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của ông T.

Vì lợi ích của con chung, khi có căn cứ theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Đinh Kim H và ông Nguyễn Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Đinh Kim H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031842 ngày 21/5/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

[7] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Kim H. Cho bà Đinh Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Kim H và ông Nguyễn Tấn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Đinh Kim H và ông Nguyễn Tấn T có hai người con chung: Nguyễn Minh T1, sinh ngày 26/3/2005 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 09/01/2014. Con chung tên Nguyễn Minh T1 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao con chung tên Nguyễn Minh T2, sinh ngày 09/01/2014, cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tấn T, không yêu cầu bà Đinh Kim H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T2. Bà Đinh Kim H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Đinh Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của ông T.

Ông Nguyễn Tấn T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Đinh Kim H trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. *Về án phí:* Bà Đinh Kim H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031842 ngày 21/5/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 273, Điều 280 và Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp hoặc cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- UBND xã Long Điền, TP HCM;
- VKSND Khu vực 13, TP HCM;
- Lưu: Văn thư, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Dương Công Hiếu